

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM ĐÀN  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 6 - 2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lài.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Xuân Huế.

Bà Lê Thị Hương.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Nguyễn Thế Anh, là Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:** Ông Đặng Trường Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Quốc H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Số nhà X, ngách Y, ngõ 73, HBK, khối A, phường QB, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Xóm X, xã XL, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 22/02/2022, bản tự khai, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn anh Lê Quốc H trình bày: Nguyên đơn và bị đơn chị Trần Thị H kết hôn ngày 29 tháng 9 năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình

không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2017 đến nay, vợ chồng không chung sống với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau và không có biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc. Nay nguyên đơn thấy tình nghĩa vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Trần Thị H. Về con chung: Nguyên đơn và chị Trần Thị H chưa có con chung. Về tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị H cư trú tại xã XL, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Tòa án đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục chung và tiến hành tổng đạt các Thông báo cho chị Trần Thị H theo quy định nhưng chị Trần Thị H vắng mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai và tiến hành hòa giải được. Tại bản tự khai và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 10/6/2022, chị Trần Thị H trình bày: Quan hệ hôn nhân giống như nguyên đơn trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân 05 năm, không quan tâm, chia sẻ với nhau. Giữa chị Trần Thị H và anh Lê Quốc H chưa có con chung. Do anh Lê Quốc H còn nợ tiền nên chị Trần Thị H không đến Tòa án làm việc. Đề nghị Tòa án can thiệp và giải quyết buộc anh Lê Quốc H phải trả 04 chỉ vàng do bên ngoại tặng khi cưới và 40.000.000 đồng anh Lê Quốc H nhờ vay của chị Hương Luyện. Về yêu cầu ly hôn của anh Lê Quốc H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh nội dung tranh chấp trong vụ án tại xóm trường xóm 3, xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, thu thập được như sau: Chị Trần Thị H kết hôn và chung sống cùng chồng ở thành phố Vinh. Khoảng 04 năm nay chị Trần Thị H làm việc ở Vinh nhưng thỉnh thoảng về quê sống cùng anh trai Trần Văn D, địa phương không thấy sống cùng chồng. Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng không chung sống với nhau, địa phương không rõ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ, thủ tục tổng đạt đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự quy định từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Bị đơn được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt trong quá trình Tòa án giải quyết nên bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Về tình cảm: Anh Lê Quốc H được ly hôn chị Trần Thị H. Về con chung: Anh Lê Quốc H và chị Trần Thị H chưa có con chung nên không xem xét. Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1]. Về thẩm quyền: Anh Lê Quốc H yêu cầu ly hôn với chị Trần Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã XL, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung là có căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Quốc H và chị Trần Thị H có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 77/2016, ngày 29 tháng 9 năm 2016 của UBND xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Anh Lê Quốc H và chị Trần Thị H đều thừa nhận vợ chồng không chung sống với nhau 5 năm, không quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy vợ chồng không chung sống với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Lê Quốc H giữ nguyên

yêu cầu được ly hôn, chị Trần Thị H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh Lê Quốc H được ly hôn với chị Trần Thị H.

[2]. Về con chung: Anh Lê Quốc H và chị Trần Thị H thống nhất khai chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và các khoản nợ: Anh Lê Quốc H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Trần Thị H đề nghị Tòa án can thiệp và giải quyết buộc anh Lê Quốc H phải trả 04 chỉ vàng do bên ngoại tặng khi cưới và 40.000.000 đồng anh Lê Quốc H nhờ vay của chị Hương Luyện. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày trong bản tự khai, chị Trần Thị H không có đơn yêu cầu cụ thể, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không có mặt để tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6]. Các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 19, Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Quốc H và chị Trần Thị H.
2. Về con chung: Anh Lê Quốc H và chị Trần Thị H chưa có con chung.
3. Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.
4. Về án phí: Anh Lê Quốc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004553, ngày 02 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Anh Lê Quốc H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lại**